

Bản án số: 217/2019/DS-PT

Ngày: 29-11-2019

V/v “Tranh chấp nợ hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Thanh

Các thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Hải

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:

Bà Lê Hồng Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số 191/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2019 về tranh chấp tranh chấp nợ hụi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/DSST ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận T bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 313/2019/QĐPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Á Đ, sinh năm: 1996

Trú tại: Khu vực T1, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm: 1983 (theo giấy ủy quyền lập ngày 04/6/2019). Trú tại: phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1966. Trú tại: Khu vực Thạnh Phước 1, phường Thạnh Hòa, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị U, sinh năm: 1991. Trú tại: Khu vực T1, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (có đơn xin vắng mặt)

Người kháng cáo: bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 11/01/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Á Đ trình bày yêu cầu khởi kiện như sau: Bà có tham gia dây hụi do bà Nguyễn Thị Ngọc T làm chủ, loại hụi 2.000.000 đồng, nửa tháng mở 01 lần, bắt đầu từ ngày 15/5/2017 (âm lịch), gồm 42 hụi viên, trong đó bà tham gia

03 phần lấy tên trong sổ hụi là “Bé Su”. Do bà có chồng ở Hàn Quốc nên các lần đóng hụi bà gửi tiền về cho chị ruột là Trần Thị U để đóng tiền hụi cho bà Thuận.

Trong lần mở hụi đầu tiên, bà kêu lời 300.000 đồng và được hốt hụi với tổng số tiền 68.700.000 đồng nhưng bà T chỉ giao 37.000.000 đồng (do bà Trần Thị U nhận thay), phần còn lại bà Thuận nói trừ cần qua số tiền bà Nguyễn Thị Bé E (mẹ bà Đ) nợ bà Thuận.

Còn lại 02 phần hụi sống và 01 phần hụi chết bà tiếp tục đóng cho đến lần thứ 15. Lần khai hụi thứ 16, bà yêu cầu được hốt hụi nhưng bà T không cho hốt và đòi hủy hợp đồng tham gia hụi. Cho nên bà có đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc T phải có trách nhiệm giao số tiền nợ hụi 90.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết bà thống nhất: chị Trần Thị U (chị ruột bà) đã nhận của bà Thuận số tiền 37.000.000 đồng cho nên bà yêu cầu bà Thuận giao thêm 53.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện nguyên đơn - bà Kim Yến xác định lại yêu cầu khởi kiện của bà Đ như sau:

+ 01 chân hụi đã hốt là 68.700.000 đồng trừ số tiền bà Trần Thị U đã nhận 37.000.000 đồng, bà Thuận còn phải giao thêm 31.700.000 đồng.

+ 02 chân hụi sống đã đóng được đến lần thứ 15 x 2.000.000 đồng = 60.000.000 đồng.

+ Số tiền hụi chết bà Đ phải đóng lại cho bà T là 27 lần x 2.000.000 đồng = 54.000.000 đồng.

Như vậy: $(31.700.000 + 60.000.000) - 54.000.000 = 37.700.000$ đồng. Nay bà Á Đ ông yêu cầu bà Thuận phải thanh toán tổng số tiền là 37.700.000 đồng.

*Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đ, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Bà có làm chủ dây hụi 2.000.000 đồng, nửa tháng mở 01 lần, mở hụi lần đầu ngày 15/5/2017 (âm lịch), gồm 42 hụi viên, trong đó bà Đ tham gia 03 phần như bà Đ trình bày là đúng. Dây hụi này đã kết thúc vào ngày 30/12/2018 (âm lịch).

Trong lần khai hụi đầu tiên, bà Đ kêu lời 300.000 đồng và được hốt hụi với số tiền 1.700.000 đồng x 41 phần = 69.700.000 đồng, trừ tiền huê hồng cho chủ hụi 1.000.000 đồng, bà Thuận phải giao cho bà Á Đ số tiền 68.700.000 đồng. Bà T cho rằng đã giao đủ số tiền 68.700.000 đồng cho bà Trần Thị U (chị bà Á Đ) nhận thay, khi giao tiền do chỗ quen biết tin tưởng nhau nên bà không có cho bà U ký nhận tiền.

Sau đó, bà Đ có đóng tiền hụi của 01 phần hụi chết và 02 phần hụi sống đầy đủ đến lần thứ 15. Lần thứ 16 bà Đ ngừng đóng tiền hụi. Đến lần thứ 17, Đ yêu cầu hốt hụi, bà nói nếu muốn hốt hụi thì phải đóng tiền hụi lần thứ 16, rồi lần 17 nếu kêu được thì hốt nhưng bà Đ không đồng ý và làm đơn khởi kiện. Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến bà T như sau:

+ 01 phần hối chết đã hót là 68.700.000 đồng, bà Đ đóng hối chết lại được 15 lần, như vậy còn nợ lại 27 lần hối chết x 2.000.000 đồng = 54.000.000 đồng.

+ 02 phần hối sống châu được đến lần thứ 15 x 2.000.000 đồng = 60.000.000 đồng.

Như vậy: 60.000.000 đồng – 54.000.000 đồng = 6.000.000 đồng. Bà Thuận chỉ đồng ý trả cho bà Đ tổng số tiền là 6.000.000 đồng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị U trình bày: Bà là chị ruột của bà Đ. Trong thời gian Đ ở Hàn Quốc có gửi tiền về cho bà để đóng tiền hối cho bà Thuận. Trong lần hót hối đầu tiên, chị Đ hót hối và nhờ bà gặp bà Thuận nhận tiền. Bà Út xác định bà T chỉ giao số tiền 37.000.000 đồng chứ không phải 68.700.000 đồng như bà T trình bày.

*Vụ việc hoà giải không thành và được đưa ra xét xử công khai. Tại bản án số 11/2019/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Xét xử và quyết định như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị Á Đ tổng số tiền nợ hối là 37.700.000 đồng (Ba mươi bảy triệu, bảy trăm ngàn đồng).

2. Về thời gian và phương thức thanh toán do Chi cục Thi hành án dân sự quận Tgiải quyết theo thẩm quyền.

3. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 06/8/2019, bà Thuận có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ nội dung vụ án.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện cho nguyên đơn bà Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà Thuận có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên đơn yêu cầu kháng cáo.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm:

-Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

-Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các chứng cứ có trong hồ sơ, xét kháng cáo của bà Thuận không có cơ sở bởi lẽ bà không chứng minh được mình đã giao đủ số tiền mà bà Đ được nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Thuận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Việc bị đơn bà T, bà Trần Thị U có đơn xin giải quyết vắng mặt là phù hợp quy định pháp luật nên tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của Nguyễn Thị Ngọc T: Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, xác định giữa bà Đ và bà T có thoả thuận việc bà Đ tham gia dây hụi do bà T làm chủ hụi như sau: Dây hụi mở ngày 15/5/2017 (âm lịch) số tiền 2.000.000 đồng/phần hụi, dây hụi có 42 phần, nửa tháng khai 1 lần. Bà Đ tham gia 03 phần hụi. Bà T cũng thừa nhận bà Đ có tham gia dây hụi này với tên trong sổ hụi là “Bé Su”. Tuy nhiên các đương sự không thống nhất với nhau về số tiền giao hụi, cụ thể, lần khai hụi đầu tiên (15/5/2017 al) bà Đ hốt một phần hụi với số tiền lời cho các hụi viên là 300.000 đồng, như vậy số tiền các hụi viên đóng cho một phần là 1.700.000 đồng x 41 phần = 69.700.000 đồng (trừ phần bà Đ nên còn 41 phần), sau khi trừ huê hồng 1.000.000 đồng thì bà Đ được nhận 68.700.000 đồng. Bà T cho rằng đã giao đủ số tiền hụi này sau khi trừ hoa hồng 1.000.000 đồng là 68.700.000 đồng cho bà Đ nhưng bà Đ không đồng ý với lời trình bày của bà T mà cho rằng mình chỉ nhận được 37.000.000 đồng và nhờ bà Út nhận, về phía bà Út là người nhận tiền hụi bà Đ được hốt cũng cho rằng chỉ nhận từ bà T 37.000.000 đồng. Bà T nói rằng đã giao đủ tiền cho hốt hụi cho phía bà Đ nhưng không có chứng cứ chứng minh mình đã giao đủ, lại không được bà Đ thừa nhận. Phía bà Đ cho rằng, bà T có nói rằng, số tiền còn lại trừ vào tiền mẹ bà Đ nợ bà T, nhưng bà T xác định không có. Như vậy có cơ sở khẳng định bà T chưa giao đủ số tiền hốt hụi cho bà Đ, còn nợ lại 31.700.000 đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Đ là có cơ sở cần chấp nhận.

[3] Ngoài phần hụi bà Đ đã hốt, còn hai phần hụi bà Đ chưa hốt, đã đóng được 15 lần. Cả bà Đ và bà T đều thống nhất, về phần bà Đ thì có ý kiến về phần hụi này như sau: do các bên đã huỷ bỏ việc tham gia hụi với nhau nên bà sẽ trả lại cho bà Đ trọn 2.000.000 đồng/phần x 2 phần = 4.000.000 đồng/phần, đã đóng 15 lần x 4.000.000 đồng = 60.000.000 đồng. Đây là ý chí của đương sự phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Về phần hụi bà Đ đã hốt chỉ đóng được 15 lần, dây hụi 42 phần, vậy bà Đ còn phải đóng trả cho bà T để bà T góp lại cho các hụi viên khác là 27 lần x 2.000.000 đồng = 54.000.000 đồng. Vậy tổng số tiền bà T phải trả cho bà Đ gồm hụi chưa giao đủ 31.700.000 đồng và phần hụi bà Đ chưa hốt là 60.000.000 đồng = 91.700.000 đồng. Số tiền bà Đ phải trả cho bà T hụi đã hốt là 54.000.000 đồng. Cán trừ thì bà T còn phải trả cho bà Đ là 37.700.000 đồng. Vì vậy, kháng cáo của bà T là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về số tiền huê hồng 2.000.000 đồng cho hai phần hụi sống, bà T yêu cầu bà Đ trả cho bà, bà T có yêu cầu nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí nên Hội đồng xét xử không xem xét. Mặt khác, việc thoả thuận tham gia góp hụi của các đương sự đã bị huỷ nên cũng thể buộc bà Đ trả cho bà.

Với các nhận định trên nên bản án sơ thẩm đã xét xử đúng quy định pháp luật, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm và phúc thẩm: Bà T phải chịu theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, bà T có hoàn cảnh khó khăn, bất khả kháng có xác nhận của Ủy ban nhân dân nên giảm tiền án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho bà theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 282 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2006 của Chính Phủ.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2019/DS-ST ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân quận T.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Á Đ. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Á Đ số tiền 37.700.000 đồng (Ba mươi bảy triệu, bảy trăm ngàn đồng)

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ thi hành án chậm thi hành thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

2.1 Dân sự sơ thẩm: bà T phải chịu 942.500 đồng (Chín trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm đồng).

Bà Trần Thị Á Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 2.250.000 đồng (Hai triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 004558 ngày 21/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

2.2 Dân sự phúc thẩm: bà T phải chịu 150.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 004960 ngày 06/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận T. Bà T được nhận lại 150.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân quận T;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan Thi hành án dân sự Tp Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Phương Thanh